

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

13/11

D71.111

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

13/11/2023

Phòng thi: D71.111

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22HH

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112622001	Trần Từ Tổ	15/04/2004	Nữ	9.0	4,5	6.8	008	<i>ĐVT</i>		
2	112622002	Thạch Thị Mỹ	26/03/2004	Nữ	8.8	5,5	7.2	009	<i>My</i>		
3	112622003	Phạm Thị Huế	27/11/2004	Nữ	9.5	9,3	9.4	010	<i>Ph</i>		
4	112622004	Hà Tiểu	04/10/2004	Nữ	9.8	8,8	9.3	011	<i>Hà</i>		
5	112622005	Trần Thị Kiều	18/08/2004	Nữ	8.0	4,5	6.3	012	<i>An</i>		
6	112622007	Trần Ngọc	11/06/2004	Nữ	8.3	5,8	7.1	013	<i>Trần</i>		
7	112622008	Nguyễn Thị Thanh	07/05/2004	Nữ	9.5	6,5	8.0	014	<i>NT</i>		
8	112622010	Nguyễn Huỳnh Yến	29/05/2004	Nữ	8.8	7,3	8.1	015	<i>Y</i>		
9	112622011	Nguyễn Trần Nhã	18/09/2004	Nữ	10.0	9,0	9.5	016	<i>NT</i>		
10	112622012	Lê Văn	24/12/2003	Nam	8.8	6,3	7.6	021	<i>L</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10...

Tổng số tờ: 10...

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23.

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Thanh Thanh*Cán bộ ghi điểm: *Cao Dương Phương Lan*

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: *Nguyễn Thị Lành*

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22HD

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
13 / 11 / 2023

Phòng thi: 071.11.1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118822001	Trương Thị Mỹ Hạnh	15/10/2004	Nữ	8.0	4,3	6.2	001			
2	118822002	Trương Đoàn Phương Nhi	10/09/2001	Nữ	6.3	4,3	5.3	002			
3	118822004	Trần Phước Thành	20/10/2004	Nam	5.5	5,3	5.4	003			
4	118822007	Phạm Nguyễn Văn Anh	11/08/2004	Nữ	4.8	4,5	4.7	004			
5	118822009	Nguyễn Ngọc Duyên	16/05/2004	Nữ	5.8	5,5	5.7	005			
6	118822011	Phạm Quốc Huy	17/12/2004	Nam	7.8	6,0	6.9	006			
7	118822015	Phạm Thị Yến Xuân	02/10/2004	Nữ	7.5	3,8	5.7	007			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ: ✓

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22THC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thi trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

13 / 11 / 2023

Phòng thi: 071.11.1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114322034	Tô Thị Như	Huỳnh	20/01/2004	Nữ	9.3	4,5	6.9	017	<u>Thuy</u>		
2	114322036	Thạch Kim Xuân	Khanh	07/04/2004	Nữ	9.8	5,3	7.6	018	<u>Kim</u>		
3	114322272	Phạm Thị Hồng	Trúc	17/01/2004	Nữ	8.8	5,5	7.2	019	<u>hong</u>		
4	114322282	Kim Thị Ngọc	Xuân	09/05/2004	Nữ	9.0	6,0	7.5	020	<u>Kim</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 1

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thạch

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

13/11

Đ 71.114

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22DT

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....13...../.....11...../2023.....

Phòng thí: Đ 71.114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115222001	Lê David	06/06/2004	Nam							
2	115222002	Lê Quốc	Dương	06/11/2004	Nam	9.0	5.8	7.4	002		
3	115222004	Phạm Minh	Khôi	22/09/2004	Nam	5.3	5.3	5.3	003		
4	115222005	Võ Thanh	Linh	21/10/2004	Nam	6.5	6.3	6.4	004		
5	115222006	Trương Tấn	Lộc	22/04/2004	Nam	7.0	4.3	5.7	005		
6	115222007	Thạch Trần Khải Minh	05/10/2004	Nam							
7	115222008	Nguyễn Hoài	Phú	17/09/2004	Nam	7.8	4.0	5.9	007		
8	115222010	Phạm Minh	Thứt	18/02/2004	Nam	8.8	4.8	6.8	008		
9	115222011	Tổng Minh	Trí	07/05/2004	Nam	8.0	4.8	6.4	009		
10	115222012	Nguyễn Minh	Triết	16/02/2004	Nam	7.0	3.5	5.3	021		
11	115222013	Nguyễn Hải	Đang	23/06/2004	Nam	4.8	5.5	5.2	010		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50.....%; Điểm KT: 50.....%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23.....

Cán bộ coi thi 1: Laanh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Laanh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Laanh
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22KT

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

13 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922083	Nguyễn Thị Kiều	Nương	12/07/2004	Nữ	9.0	3.5	6.3	011		
2	111922096	Hồng Thị Trúc	Thư	09/03/2004	Nữ	8.0	4.8	6.4	012		
3	111922097	Võ Anh	Thư	02/05/2004	Nữ	6.5	5.0	5.8	013		
4	111922098	Lâm Ngọc	Thuận	06/04/2004	Nữ	8.3	5.3	6.8	014		
5	111922108	Lý Lê Thùy	Trang	03/02/2004	Nữ	9.3	4.8	7.1	015		
6	111922109	Trần Tú	Trang	14/03/2004	Nữ	8.8	3.0	5.9	016		
7	111922115	Nguyễn Thị Bích	Vi	19/08/2004	Nữ	7.5	3.8	5.7	017		
8	111922124	Châu Ngọc	Bích	10/01/2004	Nữ	7.5	4.8	6.2	019		
9	111922125	Thạch Thị Thanh	Chi	17/09/2004	Nữ						

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09...

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08...

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ coi thi 1: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22THA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

13 / 11 / 2023

Phòng thi: D-71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114322153	Huỳnh Hồng Nhã An	23/03/2004	Nữ							

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00....

Tổng số tờ:.....

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ coi thi 1: Lam Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Lam Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Lam

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

13/11

ĐT 1.113

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22KT

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

13 / 11 / 2023

Phòng thi: ĐT 1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922002	Dư Hân	Hân	30/01/2004	Nữ	7.8	3.5	5.7	001	<u>Hân</u>	
2	111922003	Khru Thị Ngọc	Huyền	27/09/2004	Nữ	9.0	4.5	6.8	002	<u>Huyền</u>	
3	111922004	Kim Thị Thúy	Huỳnh	26/03/2003	Nữ	7.5	4.8	6.2	003	<u>Thúy</u>	
4	111922009	Vương Vũ	Nguyễn	08/12/2004	Nam	8.5	4.0	6.3	004	<u>Nguyễn</u>	
5	111922015	Khru Thị Ngọc	Thảo	27/09/2004	Nữ	9.3	6.8	8.1	005	<u>Thảo</u>	
6	111922016	Neáng	Thầy	18/05/2004	Nữ	6.5	4.3	5.4	006	<u>Thầy</u>	
7	111922018	Trương Kim	Thư	29/10/2004	Nữ	9.0	6.3	7.7	007	<u>Thư</u>	
8	111922030	Trần Thị Kiều	Anh	02/01/2004	Nữ	7.5	4.5	6.0	008	<u>Thư</u>	
9	111922033	Trương Thị Ngọc	Cầm	27/02/2004	Nữ	8.8	4.8	6.8	009	<u>Cầm</u>	
10	111922034	Thạch Ngọc Kim	Cúc	20/04/2003	Nữ	8.5	5.0	6.8	010	<u>Cúc</u>	
11	111922043	Hà Mỹ	Duyên	07/10/2004	Nữ	8.3	5.8	7.1	011	<u>Duyên</u>	
12	111922046	Nguyễn Ngọc	Hân	21/09/2004	Nữ	7.5	5.3	6.4	012	<u>Hân</u>	
13	111922048	Lâm Ngọc	Hằng	19/07/2004	Nữ	8.3	6.0	7.2	013	<u>Hằng</u>	
14	111922052	Hà Thị Diệu	Hiền	19/10/2004	Nữ	8.5	2.5	5.5	014	<u>Hiền</u>	
15	111922053	Huỳnh	Hoa	24/04/2003	Nữ	10.0	7.0	8.5	015	<u>Huỳnh</u>	
16	111922056	Nguyễn Trút Như	Khương	18/10/2004	Nữ	8.0	4.5	6.3	016	<u>Khương</u>	
17	111922057	Lê Thị	Lài	12/04/2004	Nữ	6.3	2.8	4.6	017	<u>Lài</u>	
18	111922060	Nguyễn Thị Trúc	Mai	08/11/2004	Nữ	8.8	5.3	7.1	018	<u>Mai</u>	
19	111922069	Thái Hồng	Ngọc	23/02/2004	Nữ	8.8	3.5	6.2	019	<u>Ngọc</u>	
20	111922081	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	11/10/2002	Nữ	7.8	4.0	5.9	020	<u>Nhung</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%;

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23.

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

13/11

ĐH 112

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22XYHB

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....13/11/2023.....

Phòng thi:.....ĐH 112.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chỉ
1	115322053	Nguyễn Hoài	Nam	21/10/2003	Nam	9.5	6.5	8.0			
2	115322055	Nguyễn Thủy	Ngân	18/11/2004	Nữ	9.3	5.0	7.2			
3	115322056	Sơn Thái Châu	Ngọc	19/06/2003	Nữ	9.5	5.5	7.5			
4	115322061	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	04/06/2003	Nữ	8.5	4.5	6.5			
5	115322064	Phan Thị Trúc	Phương	17/10/2004	Nữ	8.5	4.5	6.5			
6	115322072	Phan Thị Phương	Thảo	18/12/2004	Nữ	9.3	4.0	6.7			
7	115322087	Lê Nguyễn Khánh	Vy	30/06/2004	Nữ	9.8	7.3	8.6			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....07.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:07.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....07.....

Tổng số tờ:.....07.....

Điểm QT:.....50%; Điểm KT:.....50%.....

Trà Vinh, Ngày 14... tháng 11... năm 2023

Cán bộ coi thi 1:..........

Cán bộ ghi điểm:..........

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:..........

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22CNSH

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
13 / 11 / 2023

Phòng thi: 071.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117722001	Nguyễn Việt Khánh	Hưng	10/12/2004	Nam	8.8	3,3	6.1	002		
2	117722003	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2004	Nữ	6.8	4,8	5.8	003		
3	117722004	Lê Thị Phương	Thảo	27/12/2004	Nữ	6.5	3,5	5.0	004		
4	117722006	Trần Hữu	Hậu	24/12/2004	Nam	7.8	7,5	7.7	005		
5	117722007	Huỳnh Hải	Long	09/06/2004	Nam	7.3	3,3	5.3	006		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22TYB

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá:.....TU.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

13 / 11 / 2023

Phòng thi:.....D71.112.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chu
1	111321214	Thạch Phi Na	Vi	19/08/2003	Nam	9.3	4,8	7.1	001		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01.....

Tổng số tờ:.....01.....

Cán bộ coi thi 1:.....Phạm Hồng Sang.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....Leu Cao Dương Phương Lan.....

Cán bộ kiểm tra:.....Đạt.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22KT(CO-OP)

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
13/11/2023

Phòng thi: 07.11.2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Đài	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922035	Trần Thị Phương	Đài	23/11/2004	Nữ	10.0	6,3	8.2	009	Đài		
2	111922102	Huỳnh Lê Huy	Toàn	13/09/2004	Nam	7.5	3,3	5.4	010	Đài		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sang

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (05 -)/DA22CNTP

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
13/11/2023

Phòng thi: ĐH 11.2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116222007	Nguyễn Minh Hiền	19/12/2004	Nam	7.5	4.3	5.9	007	<u>ng</u>		
2	116222008	Hứa Trần Đức Khang	22/11/2004	Nam	6.5	4.8	5.7	008	<u>ky</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sơn

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Chak

Nguyễn Thị Lành